

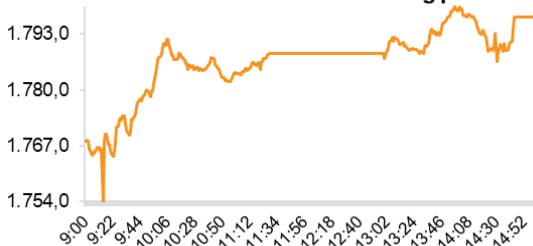
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.796,9	255,9	126,5
1 ngày (%)	2,4	0,8	0,4
1 tháng (%)	-3,8	3,5	3,8
Từ 2026	0,7	2,9	4,5
1 Năm (%)	41,7	11,8	30,7
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	314	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	0,1	1,6	0,6
Số mã tăng	273	96	158
Số mã giảm	67	55	78
Số mã tham chiếu	65	145	512

Nguồn: Bloomberg

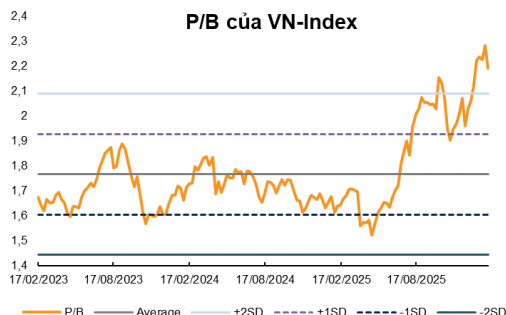
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index phục hồi tích cực

Phiên giao dịch ngày 11/02 ghi nhận sự phục hồi tích cực của thị trường khi VN-Index mở cửa tăng điểm và duy trì sắc xanh xuyên suốt thời gian giao dịch. Đà tăng lan tỏa trên diện rộng, phản ánh tâm lý nhà đầu tư được cải thiện rõ rệt. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.796,85 điểm, tăng 42,82 điểm (+2,44%) so với phiên liền trước. Độ rộng thị trường nghiêng mạnh về phía tích cực với 273 mã tăng giá, trong khi chỉ có 67 mã giảm điểm.

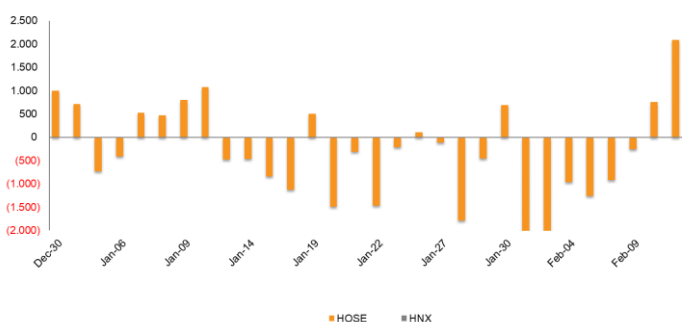
Chỉ số VN30 cũng diễn biến khởi sắc khi đóng cửa tại 2.000,9 điểm, tăng 49,32 điểm (+2,53%). Sắc xanh chiếm ưu thế áp đảo trong rổ VN30 với 27 mã tăng và chỉ 3 mã giảm. Xét theo nhóm ngành, phần lớn các ngành đều ghi nhận tăng điểm, nổi bật là nhóm Bất động sản (+4,4%), Ngân hàng (+2,88%), Chứng khoán (+2,37%) và Bán lẻ (+2,41%), đóng vai trò dẫn dắt đà phục hồi của thị trường.

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE đạt khoảng 24 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7% so với phiên trước nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân 20 phiên gần nhất. Việc thanh khoản cải thiện nhẹ song hành cùng mức tăng mạnh của chỉ số cho thấy dòng tiền đang dần lấy lại sự tự tin, dù vẫn duy trì trạng thái thận trọng.

Về mặt kỹ thuật, vùng hỗ trợ ngắn hạn của VN-Index hiện được xác định quanh mốc 1.740 điểm, trong khi vùng kháng cự gần nhất nằm tại khoảng 1.830 điểm. Trong bối cảnh này, nhà đầu tư cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường và duy trì kỷ luật đầu tư. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao, nên tận dụng các nhịp hồi để cơ cấu danh mục, giảm tỷ trọng tại những cổ phiếu có diễn biến kém hơn thị trường chung, đồng thời hạn chế tâm lý mua đuổi ở các mã đã tăng nóng. Với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao, chiến lược phù hợp là kiên nhẫn quan sát điểm cân bằng của các nhóm ngành đã điều chỉnh sâu và chỉ giải ngân quan tâm thăm dò tại các vùng hỗ trợ mạnh đối với những cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				%thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,8	156,6	4,0	2,2	2,3	1,1	39,9	33,1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,8	24,5	5,8	0,7	-0,7	-1,9	14,3	-18,1
Năng lượng	2,6	24,1	2,3	0,0	17,4	40,9	58,8	-50,1
Tài chính	39,8	12,3	1,9	2,9	0,3	6,9	30,0	18,5
Chăm sóc sức khỏe	0,5	45,4	2,9	0,3	4,3	4,5	13,0	-20,0
Công nghiệp	7,4	23,0	5,2	2,5	-3,2	-4,5	58,6	77,4
Công nghệ thông tin	2,3	19,2	4,4	1,0	2,3	4,5	-18,1	-10,7
Vật liệu xây dựng	6,3	20,0	1,9	0,4	5,8	12,2	17,0	-1,6
Bất động sản	23,8	59,6	5,4	4,6	-14,7	-10,9	427,6	63,4
Dịch vụ tiện ích	4,7	18,2	3,0	-3,0	3,3	28,0	40,8	232,4

Foreign net buy/sell (30 sessions) in VND'bn



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Dữ liệu kinh tế Mỹ và thị trường lao động gây lo ngại: Dữ liệu kinh tế cho thấy thị trường lao động Mỹ không mạnh như kỳ vọng, với kỳ vọng việc làm thấp hơn và doanh số bán lẻ tháng 12/2025 không tăng trưởng, làm gia tăng kỳ vọng Fed giảm lãi suất. Sự yếu đi của chỉ tiêu tiêu dùng kéo theo kỳ vọng lãi suất được nói lỏng, ảnh hưởng tới trái phiếu và tiền tệ.
- Nợ công Nhật Bản ở mức kỷ lục: Nhật Bản công bố nợ công cao nhất từ trước tới nay, cho thấy áp lực tài khóa lớn đối với nền kinh tế lớn thứ ba thế giới dù thị trường chứng khoán nước này thiết lập đỉnh mới. Điều này có thể ảnh hưởng tới chi phí vay và định vị chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhật Bản trong tương lai.
- Lợi suất trái phiếu Trung Quốc giảm khi ngân hàng trung ương bơm thanh khoản: Tại Trung Quốc, lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm xuống thấp nhất nhiều tuần, phản ánh kỳ vọng về nới lỏng chính sách tiền tệ quanh kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và nỗ lực hỗ trợ thanh khoản thị trường.

Tin vĩ mô trong nước

- Theo báo cáo quốc tế, nền kinh tế Việt Nam đã bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới, với nền tảng tăng trưởng vững chắc từ 2025 và triển vọng tích cực cho năm 2026. Các khu công nghiệp và thị trường xuất khẩu được đánh giá là lực đẩy chính. Triển vọng này có thể thu hút dòng vốn đầu tư và nâng cao niềm tin nhà đầu tư.
- Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam (VIFC-HCMC) chính thức ra mắt tại TP. Hồ Chí Minh, đánh dấu bước tiến trong hội nhập tài chính toàn cầu. Sự kiện dự kiến mở rộng dịch vụ tài chính, fintech và thu hút vốn quốc tế, hỗ trợ phát triển thị trường vốn.
- Sản xuất công nghiệp của Việt Nam trong tháng 1/2026 tăng mạnh 21,5% so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận tại tất cả 34 tỉnh, phản ánh đà phục hồi sản xuất đầu năm; tuy nhiên chỉ số IIP giảm nhẹ so với tháng trước. Các đơn hàng cải thiện và nhiều ngày làm việc hơn góp phần vào động lực tăng trưởng này. Điều này hàm ý ngành công nghiệp đang là trụ đỡ cho tăng trưởng GDP trong bối cảnh cầu toàn cầu còn yếu.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **BID – Ngân hàng Nhà nước chấp thuận BIDV tăng vốn điều lệ qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ**, nhằm củng cố năng lực vốn cho năm 2026, thể hiện qua kế hoạch chào bán 263,3 triệu cổ phiếu giá 38.900 đồng/cp, tổng huy động dự kiến trên 10.243 tỷ đồng; quy mô phát hành giảm nhẹ so với ban đầu, với thời hạn hạn chế chuyển nhượng 1 năm và phân phối cho 31 nhà đầu tư chuyên nghiệp. Điều này phản ánh nỗ lực tái cấu trúc vốn sau năm lợi nhuận tăng trưởng và tạo động lực tăng trưởng tín dụng trong năm tới.
- **PVT – Đội tàu vượt 2 triệu tấn trọng tải, đặt mục tiêu doanh thu 16.500 tỷ đồng**: Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí vừa khép lại năm 2025 với kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng, doanh thu vượt 55% kế hoạch. Tiếp đà phát triển, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu 16.500 tỷ đồng cho năm 2026, đồng thời khẳng định vị thế đơn vị vận tải hàng lỏng lớn nhất Việt Nam.
- **VHM – Vinhomes dẫn đầu lợi nhuận năm 2025; lãi quý IV/2025 gấp đôi**: Vinhomes báo lãi ròng quý IV/2025 hơn 26.726 tỷ đồng, bỏ xa phần còn lại của thị trường. Kết quả này tiếp tục khẳng định vị thế của doanh nghiệp đầu ngành bất động sản nhà ở, trong bối cảnh hoạt động bàn giao dự án và ghi nhận doanh thu được đẩy mạnh vào cuối năm. Khoảng cách lợi nhuận giữa Vinhomes và nhóm phía sau là rất lớn, cho thấy quy mô và khả năng tạo lợi nhuận vượt trội so với mặt bằng chung.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Chỉ số đô la giữ dưới 97 vào thứ Ba sau khi mất hơn 1% trong hai phiên qua, bị đè nặng bởi lo ngại rằng nhu cầu nước ngoài đối với tài sản bằng USD có thể suy yếu. Sự sụt giảm này diễn ra sau các báo cáo rằng các nhà quản lý Trung Quốc khuyến khích các tổ chức tài chính hạn chế nắm giữ trái phiếu kho bạc Mỹ để giảm rủi ro tập trung và giảm thiểu tác động của các chính sách kinh tế không chắc chắn của Mỹ. Trong khi đó, các nhà đầu tư chuyển sự chú ý sang các báo cáo lạm phát và việc làm của Mỹ bị trì hoãn trong tuần này, điều này có thể ảnh hưởng đến triển vọng chính sách của Cục Dự trữ Liên bang.
- Tỷ giá USD/VND lùi về dưới 26.000 đồng, tương ứng VND đã tăng giá khoảng 1,5%, nhờ đồng USD yếu hơn và giải ngân FDI tăng trưởng ổn định.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,75	0,1	6,1	15,3	55,9
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/h)	8,45	-13,2	131,5	412,1	50,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	8,52	-6,4	41,5	3,3	65,4
USD/VND	25.993	-0,4	1,1	1,2	-1,8
DXY	96,57	-0,2	-2,6	-1,8	-10,6
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,13	-0,3	-0,8	-0,9	-8,9
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,51	-0,1	-2,2	-0,9	-18,6

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.053,90	1,0	12,3	16,4	73,5
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	64,91	1,5	9,8	13,0	-11,5
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	69,76	1,4	10,1	14,6	-9,4
Thép (USD/tấn)	465,6	-0,1	-1,2	-1,1	-8,1
Thịt heo (USD/kg)	1,7	-3,6	-8,5	-8,6	-20,6
Gạo (USD/tấn)	509,6	0,0	12,6	17,1	-19,6
Phân urea (USD/tấn)	425,0	3,7	19,7	24,1	17,2

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 10/02/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 12.2025
Thứ Tư 11/02/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 1.2026
	Trung Quốc	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 1.2026
Thứ Sáu 13/02/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.484	4,6	3.512	54.300	73.300	36,0%	1,0%	17,9	2,8	17%
AST	126	0,0	5	72.800	85.400	20,7%	3,4%	13,2	5,1	38%
HVN	3.196	1,6	681	26.700	43.400	64,9%	2,3%	10,4	13,8	
VJC	3.501	13,7	819	168.000	113.600	-31,8%	0,6%	44,6	4,0	10%
Bán lẻ										
BAF	440	4,0	201	37.650	37.200	-1,2%		69,8	2,8	3%
DGW	429	4,7	114	50.400	49.600	-0,6%	1,0%	20,2	3,2	17%
FRT	1.094	3,4	181	167.000	150.300	-9,8%	0,2%	35,8	5,5	26%
MCH	7.484	2,6	2.609	150.000	147.000	-0,6%	1,4%	29,1	10,8	46%
MWG	5.227	22,4	83	91.900	96.300	5,9%	1,1%	19,2	4,1	23%
PNJ	1.521	5,5	17	115.900	109.900	-4,3%	0,9%	14,3	3,0	23%
QNS	694	0,3	282	49.100	53.400	10,8%	2,0%	8,0	1,4	18%
SAB	2.403	3,5	1.000	48.700	59.900	27,1%	4,1%	14,6	3,0	20%
VHC	518	2,9	409	60.000	71.300	22,2%	3,3%	9,9	1,4	15%
VNM	5.556	16,7	2.759	69.100	74.800	12,4%	4,1%	17,2	4,7	27%
Tài chính										
ACB	4.674	10,8	116	23.650	31.300	36,0%	3,7%	7,8	1,3	18%
BID	13.101	12,8	1.660	48.500	47.200	-1,8%	0,9%	11,4	2,0	19%
CTG	11.325	21,0	520	37.900	49.000	30,1%	0,8%	8,5	1,6	21%
HDB	5.353	20,7	227	27.800	39.500	44,4%	2,3%	7,8	1,8	25%
LPB	4.833	3,2	204	42.050	33.400	-14,6%	5,9%	11,0	2,7	25%
MBB	8.987	28,3	56	29.000	32.900	15,2%	1,7%	8,7	1,7	22%
STB	4.431	26,0	685	61.100	45.700	-24,2%	1,0%	19,4	1,9	10%
TCB	9.624	15,8	0	35.300	40.300	17,0%	2,8%	9,9	1,5	16%
TPB	1.852	6,0	95	17.350	17.800	8,1%	5,5%	6,5	1,1	18%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VCB	20.798	21,1	1.892	64.700	69.300	7,8%	0,7%	15,4	2,4	17%
VIB	2.220	4,1	5	16.950	23.600	42,9%	3,6%	7,9	1,2	16%
VPB	8.638	21,8	446	28.300	37.100	32,9%	1,8%	9,4	1,3	15%
Dệt may										
MSH	160	0,9	69	36.900	40.600	20,9%	10,8%	6,6	2,2	34%
TCM	113	1,5	2	26.300	29.800	15,2%	1,9%	12,2	1,2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.572	2,4	839	64.600	68.600	7,9%	1,7%	19,4	2,9	16%
GMD	1.170	3,7	119	71.300	72.000	3,8%	2,8%	19,5	2,3	12%
HAH	375	4,2	86	57.800	55.400	-2,8%	1,3%	8,4	2,2	29%
VSC	338	7,3	156	23.500	19.100	-16,6%	2,1%	25,8	1,6	7%
IDC	679	5,2	237	46.500	45.600	1,3%	3,2%	9,1	2,7	32%
KBC	1.239	6,2	469	34.200	30.000	-11,2%	1,1%	13,9	1,3	10%
PHR	302	1,5	109	58.000	68.400	20,3%	2,3%	16,6	1,9	13%
VTP	486	3,3	211	103.700	129.200	25,6%	1,0%	36,2	7,1	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.001	13,4	435	68.500	128.300	91,7%	4,4%	9,1	1,7	20%
HPG	7.929	35,9	2.229	26.850	30.000	12,8%	1,1%	13,3	1,6	13%
Dầu khí										
BSR	4.517	12,3	2.137	23.450	16.700	-26,9%	1,8%	22,6	2,0	4%
GAS	9.469	9,3	4.416	102.000	78.400	-21,1%	2,0%	21,6	3,7	18%
OIL	629	2,4	38	15.800	14.800	-4,7%	1,6%	50,0	1,6	3%
PLX	2.527	10,6	114	51.700	47.700	-5,4%	2,3%	27,5	2,5	10%
PVD	697	10,2	253	32.600	32.600	7,7%	7,7%	20,0	1,1	6%
PVS	842	11,2	274	42.800	41.800	-0,8%	1,5%	12,0	1,5	13%
PVT	364	3,6	139	20.150	23.400	17,3%	1,1%	9,1	1,1	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	660	4,2	296	25.250	22.700	-6,7%	3,4%	17,3	1,5	7%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DCM	804	3,7	352	39.500	40.000	6,3%	5,1%	12,7	2,0	16%
DDV	160	1,3	74	28.400	39.700	43,0%	3,2%	24,7	2,3	10%
PLC	92	0,8	44	29.600	34.100	16,9%	1,7%	176,2	1,8	9%
Điện										
POW	1.558	6,9	703	13.200	14.400	10,3%	1,3%	16,0	1,1	7%
Điện và BĐS										
HDG	381	2,6	117	26.800	37.400	41,1%	1,5%	14,1	1,5	11%
PC1	403	4,1	141	25.500	26.500			11,3	1,6	15%
REE	1.288	1,2	0	61.800	76.600	25,6%	1,6%	13,2	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	670	8,6	189	15.650	18.300	29,7%	12,8%	67,8	1,2	2%
KDH	1.233	6,6	281	28.550	41.800	47,4%	1,0%	32,6	1,7	5%
NLG	539	2,9	43	28.900	42.200	47,6%	1,6%	19,8	1,1	6%
VHM	16.276	30,4	6.816	103.000	93.600			10,3	1,8	19%
VRE	2.570	12,9	950	29.400	32.000	12,4%	3,6%	10,4	1,4	14%
Công nghệ										
FPT	6.462	29,0	643	98.600	118.200	20,9%	1,0%	17,9	4,6	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA